

# NHẬN DIỆN RỦI RO TÀI CHÍNH PHỤC VỤ QUẢN TRỊ RỦI RO TÀI CHÍNH TẠI CÁC DOANH NGHIỆP CÔNG NGHIỆP KHU VỰC ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG

## FINANCIAL RISK IDENTIFICATION FOR FINANCIAL RISK MANAGEMENT AT RED RIVER DELTA INDUSTRIAL ENTERPRISES

Nguyễn Hồng Anh, Nguyễn Thị Ngọc Lan

*Khoa Kế toán, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp*

Đến Tòa soạn ngày 20/03/2021, chấp nhận đăng ngày 09/04/2021

**Tóm tắt:** Trong nền kinh tế có nhiều biến động dưới tác động của cả yếu tố khách quan và chủ quan, các doanh nghiệp trong quá trình kinh doanh không thể tránh khỏi các rủi ro trong đó có rủi ro tài chính. Nhận diện rủi ro tài chính là bước đầu tiên trong phân tích rủi ro tài chính phục vụ quản trị rủi ro tài chính tại các doanh nghiệp. Nhận diện đầy đủ, chính xác rủi ro tài chính sẽ giúp các nhà quản trị doanh nghiệp đánh giá, đo lường cũng như xử lý được các rủi ro tài chính. Nội dung bài viết sẽ tập trung phân tích, đánh giá thực trạng nhận diện rủi ro tài chính phục vụ quản trị rủi ro tài chính với phạm vi nghiên cứu tại các doanh nghiệp công nghiệp khu vực Đồng bằng sông Hồng, từ đó đưa ra những khuyến nghị nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động nhận diện rủi ro phục vụ quản trị rủi ro tài chính tại các doanh nghiệp này.

**Từ khóa:** Nhận diện rủi ro tài chính, quản trị rủi ro tài chính, doanh nghiệp công nghiệp khu vực Đồng bằng sông Hồng.

**Abstract:** Business operations are strongly influenced by changes in the economy such as fiscal policy, monetary policy of the state, interest rates, exchange rates, and cash flow movement, which is followed by complexity. The problem of financial management in the business. Industrial enterprises in general and industrial enterprises in the Red River Delta have increasingly large scale, diversified economic and financial activities. In the business process, under the impact of many both objective and subjective factors, businesses face inevitable risks. However, if the risks are large, having negative impacts, exceeding the limit and control, the business will lose money, even push the business to bankruptcy. Therefore, financial risk analysis has an important meaning in financial risk management in order to improve the efficiency of production and business activities of enterprises. In the steps of financial risk analysis, identifying financial risks is the first and important content for financial risk management. The content of this article will focus on assessing the current situation of identifying financial risks for financial risk management according to each type of risk in industrial enterprises at the Red River Delta region, then proposing in order to improve the efficiency of financial risk identification for financial risk management in this enterprises.

**Keywords:** Financial risks identification, financial risk management, Red River Delta industrial enterprises.

### 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hoạt động của doanh nghiệp (DN) chịu tác động lớn của các biến động trong nền kinh tế

như chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ của nhà nước, lãi suất, tỷ giá, sự chuyển dịch của dòng tiền,... kéo theo đó là sự phức tạp của

công tác quản trị tài chính trong DN. Các doanh nghiệp công nghiệp (DNCN) nói chung và các DNCN khu vực Đồng bằng sông Hồng (ĐBSH) có quy mô ngày càng lớn, hoạt động kinh tế tài chính đa dạng. Trong quá trình kinh doanh, dưới sự tác động của nhiều yếu tố cả khách quan và chủ quan, các DN gặp phải rủi ro là điều tất yếu khó tránh khỏi. Tuy nhiên, nếu rủi ro lớn, có tác động tiêu cực, vượt giới hạn và tầm kiểm soát sẽ làm cho DN thua lỗ, thậm chí đẩy DN tới việc phá sản. Do đó, phân tích rủi ro tài chính (RRTC) có ý nghĩa quan trọng trong việc quản trị RRTC nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Trong các bước của phân tích RRTC, nhận diện RRTC là nội dung đầu tiên và quan trọng của phân tích RRTC phục vụ quản trị RRTC.

Nội dung bài viết này sẽ tập trung đánh giá thực trạng nhận diện RRTC phục vụ quản trị RRTC theo từng loại rủi ro tại các DN CN khu vực ĐBSH, từ đó đề xuất những khuyến nghị nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động nhận diện RRTC phục vụ quản trị RRTC tại các DN này.

## **2. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ**

Nhận diện RRTC là một trong những nội dung quan trọng của phân tích RRTC phục vụ quản trị RRTC. Để có cơ sở đề xuất những khuyến nghị nhằm nâng cao hiệu quả nhận diện RRTC phục vụ quản trị RRTC tại các DNCN khu vực ĐBSH, nhóm tác giả trên cơ sở lý thuyết đã nghiên cứu về nhận diện RRTC tiến hành đánh giá thực trạng nhận diện RRTC tại các DNCN khu vực ĐBSH đồng thời cũng đưa ra những nhận xét, đánh giá về thực trạng nhận diện RRTC phục vụ QTRRTC tại các DN này và lấy đó làm cơ sở đề xuất những khuyến nghị nhằm nâng cao hiệu quả công tác nhận diện RRTC phục vụ quản trị RRTC tại các DNCN khu vực ĐBSH.

### **2.1. Thực trạng nhận diện rủi ro tài chính tại các doanh nghiệp công nghiệp khu vực Đồng bằng sông Hồng**

Nhận diện rủi ro là quá trình tìm kiếm, thừa nhận và ghi lại các rủi ro tác động tới hoạt động kinh doanh của DN. Để có căn cứ đánh giá về thực trạng nhận diện RRTC phục vụ quản trị RRTC tại các DNCN khu vực ĐBSH, trước hết nhóm tác giả đã tiến hành khảo sát những RRTC và việc nhận diện RRTC mà các DN cho rằng mình đã gặp phải.

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tính đến thời điểm 01/12/2020, tổng số DNCN khu vực ĐBSH là 2.592 DN. Vì thế, nhóm tác giả áp dụng phương pháp chọn mẫu nhằm tiến hành thu thập thông tin trên mẫu, từ đó, đưa ra các kết luận. Các DNCN được chọn phục vụ cho nghiên cứu của phải đáp ứng các yêu cầu: (1) Các DN nằm trên địa bàn khu vực ĐBSH; (2) Các DN có ngành nghề kinh doanh chính thể hiện trên đăng ký kinh doanh được phân loại là nhóm ngành công nghiệp bao gồm các nhóm ngành: chế biến thực phẩm, đồ uống; cơ khí, luyện kim; thiết bị điện, điện tử; dệt may, da giày; hóa chất; giấy; vật liệu xây dựng; khai khoáng, điện; (3) Quá trình chọn mẫu phải thực hiện theo nguyên tắc ngẫu nhiên; (4) Số lượng mẫu được chọn phải đủ lớn và mang tính đại diện. Trên cơ sở những phân tích trên, nhóm tác giả đã căn cứ vào danh sách các DNCN trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội và danh bạ các DN được phát hành bởi Phòng Thương mại & Công nghiệp Việt Nam (VCCI), danh bạ các DN trong “Niên giám điện thoại & những trang vàng” được phát hành bởi Công ty Cổ phần Truyền thông những trang vàng Việt Nam (YPM)... tại các địa bàn khảo sát. Việc tiếp cận trực tiếp qua các cán bộ quản lý và cán bộ kế toán trong các DN được nhóm tác giả căn cứ vào danh sách cán bộ (cán bộ quản lý, cán bộ phân tích tài chính và cán bộ kế toán) tại các DN được nhóm tác giả dựa vào sự giới thiệu của người

quen. Cách thức gửi phiếu khảo sát là gửi qua email, phát phiếu trực tiếp hoặc phỏng vấn trực tiếp DN. Tuy nhiên, như đã trình bày ở trên, vì những lý do nhạy cảm mà một số DNCN và cán bộ dù đã đồng ý bước đầu qua giới thiệu nhưng cuối cùng vẫn không hồi âm phiếu điều tra và một số phiếu điều tra không hợp lệ. Cuối cùng, chỉ có 247 DNCN tham gia khảo sát trong số 260 DNCN dự định khảo sát. Phiếu khảo sát được thiết kế để xác định các loại RRTC mà các DNCN khu vực ĐBSH đã gặp phải cũng như phương pháp nhận diện các loại RRTC tại các DN này.

Kết quả khảo sát cho thấy trong 247 ý kiến có 228/247 DN (chiếm tỷ lệ 92,3%) cho rằng DN mình đã gặp phải rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất, rủi ro tỷ giá, rủi ro biến động giá), có 182/247 DN (73,6%) ý kiến cho rằng DN của mình đã gặp rủi ro tín dụng thương mại (là rủi ro trong hoạt động thương mại của DN, khi DN bán chịu hàng hoá, sản phẩm, dịch vụ cho khách hàng, nhưng khách hàng không hoàn trả được và thất bại trong việc trả nợ), 82,2% DN (203/247DN) cho rằng DN đã gặp rủi ro thanh khoản, 76,9% (190/247 DN) ý kiến cho rằng DN đã gặp rủi ro đòn bẩy tài chính và 73,6% (182/247DN) ý kiến cho rằng DN mình đã gặp tất cả các loại rủi ro trên.

Về phương pháp nhận diện RRTC, kết quả khảo sát cho thấy phương pháp chính được các DN sử dụng để nhận diện RRTC là phân tích tài chính DN định kỳ thông qua sự biến động của các chỉ tiêu tài chính đặc trưng như nhóm chỉ tiêu phản ánh khả năng thanh toán, nhóm chỉ tiêu về hiệu suất hoạt động, nhóm chỉ tiêu đánh giá tính thanh khoản, nhóm chỉ tiêu phản ánh mức độ sử dụng đòn bẩy tài chính... Nội dung này sẽ được đề cập cụ thể đối với từng loại rủi ro tài chính. Với phương pháp này có tới 76,9% (190/247DN) doanh nghiệp sử dụng một cách thường xuyên, 100% sử dụng tối thiểu ít nhất 1 năm 1 lần. Bên cạnh đó phương pháp chuyên gia được

các DN sử dụng để nhận diện RRTC là 20%, còn lại chỉ có 5% DN sử dụng phương pháp mô hình dự báo để nhận diện RRTC. Thực trạng nhận diện rủi ro tài chính tại các DNCN khu vực ĐBSH theo từng loại rủi ro được thể hiện cụ thể như sau:

#### ▪ Thực trạng nhận diện rủi ro lãi suất

Đối với các DNCN khu vực ĐBSH, cơ cấu nguồn vốn thiên nhiều về vay và nợ, trong đó chiếm tỷ trọng lớn là vay và nợ ngắn hạn do vậy biến động của lãi suất là nhân tố tác động mạnh tới chi phí, khả năng tiếp cận nguồn vốn, hiệu quả hoạt động kinh doanh của DN. Do vậy, theo kết quả khảo sát phần lớn DNCN khu vực ĐBSH đều đã từng gặp rủi ro này. Trên thực tế, với việc so sánh biến động lãi suất vay bình quân, so sánh biến động chi phí tài chính qua đó tác động tới biên độ của chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận so với kế hoạch, đồng thời đánh giá tác động tới hiệu suất, hiệu quả kinh doanh của DN giúp nhà quản trị có cơ sở nhận diện rủi ro lãi suất với doanh nghiệp. Tại các DNCN khu vực ĐBSH, việc nhận diện rủi ro lãi suất, được thực hiện thông qua việc đánh giá sự biến động của nhóm chỉ tiêu biến động của doanh thu, lợi nhuận thực tế so với kế hoạch; nhóm chỉ tiêu phản ánh sự biến động về hiệu suất hoạt động của doanh nghiệp; nhóm chỉ tiêu phản ánh sự biến động hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Quá trình đánh giá này được đặt ra với 4 cấp độ sử dụng (không sử dụng, ít sử dụng, sử dụng ở mức độ trung bình và sử dụng ở mức độ cao). Kết quả khảo sát cho thấy có tới 68,4% số DN được hỏi thường xuyên xem xét sự biến động của doanh thu, lợi nhuận so với kế hoạch. Các nhà quản trị sẽ đánh giá yếu tố biến động lãi suất tác động như thế nào tới sự biến động của doanh thu, lợi nhuận thực tế, so với kế hoạch. Với việc 100% số DN được hỏi đều sử dụng chỉ tiêu này để xem xét rủi ro tài chính của doanh nghiệp cho thấy đây là chỉ tiêu quan trọng nhận diện RRTC nói chung và là một cơ sở phân tích nhận diện rủi ro lãi suất.

Ngoài ra, nhận diện rủi ro lãi suất thông qua sự biến động giảm của chỉ tiêu hiệu suất hoạt động được 51,8% các DN sử dụng và có 52,6% các DN hàng quý căn cứ vào sự biến động giảm của quả hoạt động để nhận diện rủi ro lãi suất. Kết quả khảo sát nhận diện rủi ro lãi suất của các DNCN khu vực ĐBSH và mức độ sử dụng được tổng hợp trong bảng 1.

**Bảng 1. Kết quả khảo sát nhận diện rủi ro lãi suất tại các DNCN khu vực ĐBSH**

Các chỉ tiêu nhận diện rủi ro lãi suất	Mức độ sử dụng			
	Không	Ít sử dụng (hàng năm)	Trung bình (6 tháng)	Cao (hàng quý)
1. Biến động của doanh thu, lợi nhuận so với kế hoạch	0%	14,6 %	17,0%	68,4 %
2. Hiệu suất hoạt động giảm	5,3%	25,5 %	17,4%	51,8 %
3. Hiệu quả hoạt động giảm	5,3%	22,7 %	19,4%	52,6 %

*Nguồn: Tổng hợp kết quả khảo sát*

▪ **Thực trạng nhận diện rủi ro tỷ giá**

Cũng giống như rủi ro lãi suất, để nhận diện rủi ro tỷ giá của các DNCN khu vực ĐBSH, ngoài việc xem xét biến động của tỷ giá trong kỳ nhà quản trị đánh giá tác động của biến động tỷ giá tới tình hình tài chính của DN thông qua việc đánh giá biến động của chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận kế hoạch so với thực hiện Trong đó, trọng tâm đánh giá biến động của doanh thu, lợi nhuận do sự biến động của tỷ giá. Do các DNCN khu vực ĐBSH không có quá nhiều hoạt động liên quan đến giao dịch ngoại tệ trên tổng số các giao dịch của DN nên các DN đến vẫn dùng các bộ chỉ tiêu về biến động doanh thu, lợi nhuận so với kế hoạch, các chỉ tiêu về hiệu suất và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp để nhận diện rủi ro tỷ giá. Tổng hợp kết quả khảo sát cho thấy có 60,7% DN thường xuyên xem xét sự biến động của doanh thu, lợi nhuận so với kế

hoạch để nhận diện rủi ro tỷ giá, có 11% DN không nhận diện rủi ro biến động tỷ giá thông qua biến động của doanh thu, lợi nhuận so với kế hoạch. Đối với các chỉ tiêu về hiệu suất và hiệu quả hoạt động của DN có trên 50% các DN sử dụng các chỉ tiêu này để nhận diện rủi ro tỷ giá. Kết quả khảo sát nhận diện rủi ro tỷ giá và mức độ sử dụng của các DNCN khu vực ĐBSH được tổng hợp trong bảng 2.

**Bảng 2. Kết quả khảo sát nhận diện rủi ro tỷ giá tại các DNCN khu vực ĐBSH**

Các chỉ tiêu nhận diện rủi ro tỷ giá	Mức độ sử dụng			
	Không	Ít sử dụng (hàng năm)	Trung bình (6 tháng)	Cao (hàng quý)
1. Biến động của doanh thu, lợi nhuận so với kế hoạch	11%	10,1%	18,2%	60,7 %
2. Hiệu suất hoạt động giảm	5,3%	25,5%	17,4%	51,8 %
3. Hiệu quả hoạt động giảm	5,3%	22,7%	19,4%	52,6 %

*Nguồn: Tổng hợp kết quả khảo sát*

▪ **Thực trạng nhận diện rủi ro thanh khoản**

Tính thanh khoản của tài sản phản ánh khả năng chuyển đổi thành tiền của tài sản đó nhanh hay chậm. Rủi ro thanh khoản xảy đến khi DN không cân đối được nhu cầu thanh toán các khoản nợ đến hạn với khả năng chuyển đổi thành tiền từ tài sản của DN phục vụ thanh toán. Kết quả khảo sát cho thấy, việc nhận diện rủi ro thanh khoản tại các DNCN khu vực ĐBSH được thực hiện thông qua phân tích các chỉ tiêu về khả năng thanh toán cũng như dấu hiệu về khó khăn thanh toán các khoản nợ ngắn hạn và các khoản nợ gốc đến hạn. Cụ thể 100% số DN khảo sát đều sử dụng các chỉ tiêu về khả năng thanh toán, các số liệu tài chính đánh giá khả năng thanh toán nợ gốc, khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn để đánh giá về rủi ro thanh khoản

của DN. Có tới 75,7 % số DN khảo sát thường xuyên đánh giá khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn từng quý. Tương tự như vậy việc xem xét thanh toán các khoản nợ gốc đến hạn cũng được DN theo sát và thường xuyên đánh giá khi có tới 68% số DN trả lời thường xuyên bám sát biến động của chỉ tiêu này. Các dấu hiệu về chỉ tiêu về khả năng thanh toán sụt giảm cũng được DN sử dụng phổ biến và thường xuyên khi có tới 64,7% DN sử dụng hàng quý để đánh giá rủi ro thanh khoản. Tổng hợp kết quả khảo sát nhận diện rủi ro thanh khoản và mức độ sử dụng tại các DNCN khu vực ĐBSH được thể hiện ở bảng 3.

**Bảng 3. Kết quả khảo sát nhận diện rủi ro thanh khoản tại các DNCN khu vực ĐBSH**

Các dấu hiệu nhận diện rủi ro thanh khoản	Mức độ sử dụng			
	Không	Ít sử dụng (hàng năm)	Trung bình (6 tháng)	Cao (hàng quý)
1. Khó khăn trong thanh toán các khoản nợ ngắn hạn	0%	13,6%	10,1 %	75,7 %
2. Khó khăn trong thanh toán nợ gốc đến hạn	0%	22,3%	9,7%	68%
3. Các chỉ tiêu hệ số khả năng thanh toán sụt giảm	0%	19,9%	15,4 %	64,7 %

*Nguồn: Tổng hợp kết quả khảo sát*

#### ▪ Thực trạng nhận diện rủi ro tín dụng thương mại

Rủi ro tín dụng thương mại đối với các DN xảy đến khi khách hàng, đối tác không đáp ứng được yêu cầu thanh toán các khoản nợ đến hạn gây ra những tổn thất về mặt tài chính cho DN. Các DNCN khu vực ĐBSH đánh giá biến động của chỉ tiêu nợ phải thu trong đó đặc biệt quan tâm, theo dõi, đánh giá các khoản phải thu khó đòi để nhận diện rủi ro tín dụng thương mại. Việc gia tăng nợ phải thu, nợ phải thu khó đòi kéo theo việc doanh

nh nghiệp bị chiếm dụng vốn, phát sinh chi phí. Khi đó, DN cần phải cân đối giữa chi phí DN bỏ ra khi bán chịu, tiêu thụ sản phẩm với lợi ích DN nhận được từ việc bán chịu đó, nếu không sẽ không tránh khỏi rủi ro. Chính vì thế, việc nhận diện rủi ro tín dụng thương mại ngoài việc đánh giá biến động chỉ tiêu nợ phải thu khó đòi, DN còn gắn với đánh giá tác động của việc gia tăng nợ phải thu, nợ phải thu khó đòi tới hiệu suất và hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp. Kết quả khảo sát cho thấy, tại các DNCN khu vực ĐBSH nhận diện rủi ro tín dụng thương mại thông qua sự gia tăng của nợ phải thu khó đòi có tới 75,7% DN được hỏi trả lời thường xuyên sử dụng chỉ tiêu với tần suất đánh giá cao (hàng quý), 13,6% DN được hỏi sử dụng chỉ tiêu này đánh giá hàng năm. Đối với dấu hiệu về sự sụt giảm của hệ số khả năng thanh toán có 64,7% DN sử dụng hàng quý để đánh giá nhận diện rủi ro. Đối với các hệ số về hiệu quả và hiệu suất hoạt động có 51,8% DN sử dụng chỉ số này để nhận diện rủi ro tín dụng thương mại. Tổng hợp kết quả khảo sát về nhận diện rủi ro tín dụng thương mại và mức độ sử dụng tại các DNCN khu vực ĐBSH được thể hiện ở bảng 4.

**Bảng 4. Kết quả khảo sát nhận diện rủi ro tín dụng thương mại tại các DNCN khu vực ĐBSH**

Các dấu hiệu nhận diện rủi ro tín dụng thương mại	Mức độ sử dụng			
	Không	Ít sử dụng (hàng năm)	Trung bình (6 tháng)	Cao (hàng quý)
1. Gia tăng các khoản phải thu khó đòi	0%	13,6%	10,1 %	75,7 %
2. Các chỉ tiêu hệ số khả năng thanh toán sụt giảm	0%	19,9%	15,4 %	64,7 %
3. Hiệu suất hoạt động giảm	5,3%	25,5%	17,4 %	51,8 %
4. Hiệu quả hoạt động giảm	5,3%	22,7%	19,4 %	52,6 %

*Nguồn: Tổng hợp kết quả khảo sát*

▪ **Thực trạng nhận diện rủi ro đòn bẩy tài chính**

**Bảng 5. Kết quả khảo sát nhận diện rủi ro đòn bẩy tài chính tại các DNCN khu vực ĐBSH**

Các chỉ tiêu nhận diện rủi ro đòn bẩy tài chính	Mức độ sử dụng			
	Không	Ít sử dụng (hàng năm)	Trung bình (6 tháng)	Cao (hàng quý)
1. Đòn bẩy tài chính tăng	11%	10,1%	18,2%	60,7%
2. Hiệu suất hoạt động giảm	5,3%	25,5%	17,4%	51,8%
3. Hiệu quả hoạt động giảm	5,3%	22,7%	19,4%	52,6%

*Nguồn: Tổng hợp kết quả khảo sát*

Đòn bẩy tài chính là việc DN sử dụng nợ trong cơ cấu nguồn vốn với mục đích khuếch đại tỷ suất lợi nhuận vốn chủ sở hữu. Việc gia tăng sử dụng nợ bên cạnh tác động tích cực cũng có nhiều yếu tố rủi ro, nếu khả năng sinh lời vốn tốt hơn chi phí huy động vốn nợ khi đó gia tăng nợ sẽ giúp khuếch đại tỷ suất lợi nhuận vốn chủ sở hữu. Ngược lại, khi khả năng sinh lời của đồng vốn không đủ bù đắp chi phí huy động vốn nợ khi đó gia tăng nợ kéo theo sự suy giảm của tỷ suất lợi nhuận vốn chủ sở hữu. Do vậy, nhận diện rủi ro sử dụng đòn bẩy tài chính được nhận diện thông qua sự biến động của các nhóm chỉ tiêu như: sự biến động của mức độ sử dụng đòn bẩy tài chính, sự biến động của các nhóm chỉ tiêu phản ánh hiệu suất, nhóm chỉ tiêu phản hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp. Kết quả khảo sát về nhận diện rủi ro đòn bẩy tài chính tại các DNCN khu vực ĐBSH có 89% số DN trả lời nhìn nhận chỉ tiêu sự gia tăng về mức độ sử dụng đòn bẩy tài chính là nguy cơ gây ra rủi ro tài chính đối với DN, trong đó có tới 60,7% DN thường xuyên tính toán, đánh giá mức độ biến động của chỉ tiêu này để nhận diện rủi ro do sử dụng đòn bẩy tài chính. Đối

với chỉ tiêu về hiệu suất và hiệu quả kinh doanh có tới 94,7% DN theo dõi kết hợp với những biến động của việc sử dụng đòn bẩy tài chính của DN làm tăng cơ sở nhận diện rủi ro trong đó 51,8% DN trả lời thường xuyên theo dõi sự biến động của chỉ tiêu hiệu suất hoạt động, trong khi nhóm chỉ tiêu phản ảnh hiệu quả hoạt động được các DN quan tâm hơn khi có tới 52,6% thường xuyên đánh giá. Kết quả khảo sát nhận diện rủi ro đòn bẩy tài chính và mức độ sử dụng của các DNCN khu vực ĐBSH được tổng hợp ở bảng 5.

**2.2. Đánh giá thực trạng nhận diện rủi ro tài chính phục vụ quản trị rủi ro tài chính tại các DNCN khu vực ĐBSH**

▪ **Những kết quả đạt được**

- Bước đầu các DNCN khu vực ĐBSH đã quan tâm tới hoạt động nhận diện rủi ro phục vụ quản trị RRTC. Phần lớn các DN đã có những đánh giá sơ bộ về một số RRTC thường gặp phải như rủi ro lãi suất, rủi ro tỷ giá, rủi ro thanh khoản, rủi ro tín dụng thương mại, rủi ro đòn bẩy tài chính... Ý thức về rủi ro đóng vai trò rất quan trọng đối với việc hình thành, triển khai và vận hành hệ thống quản trị rủi ro, do vậy với việc các DN bước đầu ý thức được phải tính đến các yếu tố rủi ro tài chính có thể gặp phải được coi như một sự chuyển biến quan trọng, là tiền đề trong việc xây dựng một quy trình quản trị RRTC.

- Hoạt động nhận diện RRTC là hoạt động thường xuyên nhằm phục vụ công tác quản trị RRTC tại các DNCN khu vực ĐBSH. Các DN đều có báo cáo đầy đủ hàng năm về RRTC và quản trị RRTC của DN.

- Phương pháp nhận diện RRTC dựa trên đánh giá các chỉ số tài chính của DN đảm bảo tính chính xác của số liệu làm cơ sở cho việc nhận diện rủi ro.

▪ **Những hạn chế**

- Công tác thiết lập bối cảnh và mục tiêu là nền tảng cho hoạt động nhận diện và đo lường

rủi ro hiện chưa được các DN quan tâm đúng mức. Những số liệu vi mô, số liệu đánh giá hoạt động của DN tổng hợp làm nền tảng để lập kế hoạch, cơ sở đánh giá biến động mang tính ước đoán của bản thân nhà quản trị hoặc thông tin được cung cấp thiếu tính chính xác dẫn tới những đánh giá, kế hoạch còn thiếu tính chính xác.

- Hoạt động nhận diện rủi ro hiện chủ yếu dựa trên kinh nghiệm của nhà quản trị, dựa trên những thông tin sẵn có (phân tích từ báo cáo tài chính DN) làm cơ sở cho những đánh giá về rủi ro do vậy bộc lộ nhiều hạn chế, chưa toàn diện và thiếu đồng bộ. Kết quả của quá trình nhận diện rủi ro chưa được trình bày trên một Báo cáo rủi ro riêng rẽ mà hiện được tích hợp như một bộ phận trong báo cáo thường niên, báo cáo quản trị của DN. Ngoài ra, tính liên kết giữa các bộ phận trong việc tham gia nhận diện rủi ro tới bộ phận và tới DN còn thấp bởi hiện theo cơ cấu tổ chức của các DNCN khu vực ĐBSH chưa có bộ phận quản trị rủi ro chuyên biệt hoạt động độc lập với các bộ phận khác của DN, điều này tạo ra sự rời rạc trong việc nhận diện rủi ro của DN.

### 3. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Để nhận diện RRTC phục vụ hiệu quả hoạt động quản trị RRTC, nhóm tác giả đề xuất các kiến nghị đối với các DNCN khu vực ĐBSH như sau:

#### ▪ Đa dạng các kênh thông tin để nhận diện rủi ro tài chính

Hoạt động nhận diện RRTC là bước đầu tiên của công tác quản trị RRTC, tuy nhiên thực trạng công tác nhận diện rủi ro tài chính tại các DNCN khu vực ĐBSH vẫn còn hạn chế. Điểm mấu chốt đảm bảo hiệu quả công tác nhận diện RRTC là thông tin phục vụ nhận diện RRTC. Do đó, để đảm bảo cung cấp thông tin hiệu quả phục vụ việc nhận diện RRTC các DN cần đa dạng các kênh thông tin nhận diện rủi ro tài chính. Với đặc thù của các

DNCN thì giá trị giao dịch hàng hóa là rất lớn, do đó khả năng thanh toán của khách hàng tác động rất lớn tới hoạt động của doanh nghiệp. Ví dụ rủi ro tín dụng thương mại, các DNCN khu vực ĐBSH đã đánh giá là thường xuyên gặp phải và có nguy cơ cao. Tuy nhiên, hiện nay các DN nhận diện rủi ro tín dụng thương mại đơn giản thông qua phân tích biến động của các chỉ tiêu tài chính của DN, đánh giá kỷ luật thanh toán của khách hàng, đánh giá uy tín của khách hàng trong quá khứ làm cơ sở nhận diện rủi ro tín dụng. Các phương pháp này chưa cung cấp đủ các thông tin giúp nhận diện tốt rủi ro tín dụng thương mại bởi lịch sử thanh toán không phải là thước đo khả năng thanh toán trong tương lai của khách hàng. Do vậy, DN cần chủ động thu thập thêm thông tin từ nhiều kênh khác nhau để nhận diện rủi ro như:

- Thu thập báo cáo tài chính của khách hàng, tính toán các chỉ tiêu tài chính của khách hàng đặc biệt những chỉ tiêu liên quan tới dòng tiền là cơ sở đảm bảo khả năng thanh toán công nợ với doanh nghiệp. Thu thập các thông tin về dự án mà DN đối tác đang triển khai, nhu cầu vốn, khả năng cung ứng vốn của chủ sở hữu.

- Thu thập thông tin về hạn mức tín dụng với kênh huy động vốn vay của DN đối tác, tra soát thông tin quan hệ tín dụng với ngân hàng. Nhận diện tốt hơn tính tuân thủ, kỷ luật thanh toán của đối tác.

▪ *Sử dụng nhiều hơn các thông tin mang tính dự báo nhận diện sớm những RRTC cho doanh nghiệp*

Thông tin quá khứ là quan trọng để nhận diện những RRTC đã từng xảy ra, tuy nhiên trước những biến động của các yếu tố của môi trường kinh doanh nếu không có những thông tin mang tính dự báo tốt DN không những không nhận diện được những rủi ro sắp đến mà còn chịu nhiều thiệt hại. Như những thay

đổi trong chính sách đầu tư trong lĩnh vực công nghiệp, những biến động bất ngờ của lãi suất hay những vấn đề của nền kinh tế trong thời điểm dịch bệnh kéo dài sẽ gây ra những RRTC cho DN.

▪ *Sử dụng đa dạng các phương pháp để nhận diện rủi ro tài chính*

Để có thể nhận diện đầy đủ và chính xác RRTC phục vụ quản trị RRTC, các DNCN khu vực ĐBSH cần sử dụng đa dạng các phương pháp như:

- Phương pháp thiết lập bảng kê rủi ro dựa trên phân tích SWOT và phân tích STEEP.

Tiền đề cho hoạt động nhận diện rủi ro chính là dữ liệu thu thập được tại bước thiết lập bối cảnh và mục tiêu, trên cơ sở đó, những thông tin này sẽ được sử dụng để phân tích các yếu tố bên trong của công ty (điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức), các yếu tố bên ngoài công ty (môi trường vĩ mô, kinh tế, chính trị, xã hội...) thực chất là phân tích SWOT và phân tích STEEP. Dựa trên kết quả phân tích SWOT và phân tích STEEP, từ đó chỉ ra những rủi ro tài chính mà doanh nghiệp có thể gặp phải khi đánh giá tác động của môi trường bên trong và bên ngoài doanh nghiệp.

- Phương pháp phát phiếu khảo sát tới các bộ phận trong doanh nghiệp.

Mỗi phòng, ban chức năng chịu trách nhiệm về một mảng công việc mang tính đặc thù riêng, do vậy rủi ro xảy ra cho từng phòng, ban, bộ phận trong DN là khác nhau. Mỗi phòng, ban, bộ phận trong DN sẽ được phát phiếu gồm các bộ câu hỏi mô tả những rủi ro có thể xảy đến với phòng, ban, bộ phận của mình. Các câu trả lời theo bảng hỏi sẽ được tập hợp thành bảng tổng hợp những rủi ro phân theo địa điểm tác động của biến cố rủi ro. Kết quả khảo sát dựa vào kinh nghiệm tác nghiệp của từng phòng, ban, bộ phận trong quá khứ, cũng như những đánh giá, chủ động nhận diện rủi ro của các bộ phận sẽ là căn cứ để nhận diện RRTC.

Quản trị RRTC luôn là mối quan tâm đối với các DN nói chung và DNCN khu vực ĐBSH nói riêng trong đó phân tích RRTC là một trong những công cụ để quản trị RRTC. Để hoạt động phân tích RRTC phục vụ quản trị RRTC tại các DNCN khu vực ĐBSH đạt hiệu quả thì ngoài việc nhận diện chính xác RRTC cũng cần làm tốt công tác đo lường, đánh giá rủi ro tài chính cũng như xử lý rủi ro tài chính trong DN.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Minh Kiều (2009) *Quản trị rủi ro tài chính* - NXB Thống kê, Hà Nội
- [2] Ủy ban Chứng khoán Nhà nước & Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam (2012) "*Quản trị rủi ro doanh nghiệp – sổ tay hướng dẫn nhận thức rủi ro*".
- [3] Báo cáo tài chính và báo cáo quản trị của các doanh nghiệp nghiệp khu vực Đồng bằng sông Hồng (2018-2020).

---

*Thông tin liên hệ:* **Nguyễn Thị Ngọc Lan**

Điện thoại: 0904161024 - Email: ntnlan@uneti.edu.vn

Khoa Kế toán, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.